TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2017/KDTM-ST
Ngày: 29 – 8 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Hương

2. Bà Trần Kim Nguyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 7 năm 2017, ngày 25 đến ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2015/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2015, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2017/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại D.

Địa chỉ: Số 199, Nguyễn Lương B, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh S, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng thành viên của Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Đại D).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Quách Minh Đ, Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 5 năm 2017), (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhật Đ.

Địa chỉ: Số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây T, xã B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Minh T, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đơn (Giám đốc công ty TNHH Nhật Đ), (đang bị tạm giam).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2015 và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số: 212/CVHM-OCEANBANK/2011 ngày

30/01/2011 và hợp đồng tín dụng số: 0022/CVHM-OCEANBANK/2012 ngày 20/02/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính, công ty trách nhiệm hữu hạn Nhật Đ (Sau đây gọi tắt là công ty Đ) vay vốn tại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại D chi nhánh Cà Mau (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng D) với các nội dung cơ bản sau:

- Số tiền vay: Hạn mức tối đa là 20.000.000.000đ (hai mươi tỉ đồng);

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua nguyên liệu;

- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ;

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

- Lãi suất phạt chậm trả: 150% lãi suất trong hạn.

Tổng số nợ vay theo từng khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ) bao gồm 500.000USD và 5.920.000.000đ.

- Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ vay: Hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 30/01/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 24-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 25/10/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 28-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 08/11/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 20/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 01-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 22/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 02-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 16/7/2012; hợp đồng thế chấp tài sản số: 0006/HĐTC- OCEANBANK/2012 ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/PL/0006/HĐBĐ-OCEANBANK/2012.

Hiện tại, công ty Đ còn nợ Ngân hàng D số tiền nợ gốc là 4.425.721.338đ và 499.794.84USD. Mặc dù Ngân hàng D đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc và tạo điều kiện cho công ty Đ thanh toán nợ nhưng công ty Đ cố tình trì hoãn, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không hợp tác làm việc với Ngân hàng.

Từ nội dung trên, đại diện Ngân hàng D yêu cầu công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 28.052.400.860đ, trong đó nợ gốc 4.425.721.338đ và 499.794.84USD (tương đương 11.385.326.455đ), 1USD quy đổi bằng 22.780đ; lãi trong hạn của đồng Việt Nam là 50.800.000đ, lãi trong hạn của đồng Đô La là 2.400USD tương đương 54.672.000đ; lãi quá hạn của đồng Việt Nam là 6.435.822.541đ, lãi quá hạn của đồng Đô La là 246.392,23USD tương đương 5.612.814.999đ; lãi phạt của đồng Việt Nam là 60.771.344đ, lãi phạt của đồng Đô La là 1.162,08USD tương đương 26.472.182đ. Đồng thời, đại diện Ngân hàng D yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là các hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ và tài sản thế chấp là thành phẩm hàng tồn kho có tổng khối lượng 46.100kg.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2016, ông Huỳnh Minh T – Giám đốc công ty TNHH Đ trình bày: Ông xác định công ty Đ có ký hợp đồng vay nợ tại Ngân hàng D theo từng khế ước nhận nợ nhưng hiện còn nợ bao nhiêu thì ông không xác

định được, ông đồng ý để ông Nguyễn Hoàng N là kế toán của công ty đối chiếu nợ với Ngân hàng để xác định số nợ cụ thể.

* Tại biên bản đối chiếu dư nợ giữa Ngân hàng D và công ty Đ, ông N xác định công ty Đ còn nợ Ngân hàng D vốn gốc là 499.794,84USD và 4.425.721.338đ, riêng khoản tiền lãi chưa xác định được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn Nhật Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ) thì công ty có 02 thành viên góp vốn gồm ông Huỳnh Minh T và bà Trần Thị Thanh T, do ông Huỳnh Minh T – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Hiện ông Huỳnh Minh T đang bị tạm giam và bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Theo khoản 6 Điều 13 của Luật doanh nghiệp quy định ***"Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giam, kết án tù … thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty."***. Như vậy, mặc dù bà Trần Thị Thanh T đã bị kết án cùng tội danh với ông T nhưng bà đang được tại ngoại nên bà phải đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty Đ. Tuy nhiên, bà T không hợp tác làm việc với Tòa án và khước từ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao. Căn cứ biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/10/2015 của công ty Đ thể hiện bà Trần Thị C là thành viên của Hội đồng thành viên của công ty Đ nên Tòa án đã ấn định cho bà T tiến hành tổ chức họp Hội đồng thành viên để cử người tham gia tố tụng nhưng bà T vẫn không thực hiện. Tòa án cũng đã đến gặp bà C để tiến hành làm việc và giao các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bị bà T và ông Huỳnh Trần Minh N là con bà T ngăn cản, đồng thời khước từ nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án đã giao. Do đó, việc đại diện công ty Đ không đến tham gia phiên tòa để chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện công ty Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền: Đây là việc tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, công ty Đ có hành vi vi phạm trong việc xử lý đối với tài sản thế chấp là thành phẩm hàng tồn kho, đại diện Ngân hàng D đã nhiều lần làm đơn tố cáo gửi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau yêu cầu xử lý về hành vi tẩu tán tài sản thế chấp nhưng cơ quan này không thụ lý giải quyết vì cho rằng đây là tranh chấp dân sự và hướng dẫn đương sự đến nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Tại phiên tòa này, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ, không yêu cầu cơ quan chức năng xem xét dấu hiệu hình sự. Vì vậy, Tòa án

thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, có quy định lãi suất. Hợp đồng này được thiết lập trên tinh thần tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được công nhận, bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng bảo đảm nên được xem xét chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

Tại phiên toà, đại diện Công ty Đ vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản đối chiếu dư nợ thể hiện việc công ty Đ có xác lập hợp đồng tín dụng số: 212/CVHM-OCEANBANK/2011 ngày 30/01/2011 và hợp đồng tín dụng số: 0022/CVHM-OCEANBANK/2012 ngày 20/02/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính để vay số tiền theo từng khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ) bao gồm 500.000USD và 5.920.000.000đ; có thế chấp tài sản đảm bảo vay vốn, đến nay chỉ thanh toán một phần tiền vốn và lãi, hiện công ty Đ còn nợ Ngân hàng D số tiền vốn của các khoản vay này là: 4.425.721.338đ và 499.794.84USD đúng như yêu cầu của nguyên đơn đặt ra. Đối với khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả được quy định cụ thể trong hợp đồng và từng lần theo khế ước nhận nợ được tính trên cơ sở lập trình của máy tính là tương đối phù hợp. Vì vậy, buộc công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi là 28.052.400.860đ cho Ngân hàng D là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đặt ra yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, khi vay nợ, công ty Đ có ký các hợp đồng bảo đảm gồm: Hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 30/01/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 24-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 25/10/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 28-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 08/11/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 20/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 01-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 22/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 02-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 16/7/2012. Tuy nhiên, các thư tín dụng xuất khẩu theo hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ này đã bị hủy bỏ và hết hạn hiệu lực do phía công ty Đ không giao hàng cho đối tác nên Ngân hàng D không thu được tiền hàng do phía đối tác thanh toán cho công ty Đ. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số: 0006/HĐTC-OCEANBANK/2012 ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/PL/0006/HĐBĐ-OCEANBANK/2012 là tôm thành phẩm hàng tồn kho, có tổng khối lượng 46.100kg với tổng trị giá 20.511.800.000đ. Xét thấy, tài sản thế chấp này đã bị công ty Đ dịch chuyển để xử lý bán ra bên ngoài thể hiện tại biên bản ngày 19/5/2013 của Ngân hàng lập, đồng thời hiện nay qua xác minh thực tế mặt hàng này không còn tồn tại. Do đó, đối tượng của tài sản đảm bảo trong các hợp đồng tín dụng hiện không còn nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp do đại diện Ngân hàng đặt ra là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là tương đối đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tuy thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án có quá thời gian quy định nhưng do các đương sự thiếu hợp tác, cần phải xác minh việc giam, giữ của ông T để tiến hành làm việc, vì vậy, làm cho vụ án kéo dài. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo quy định. Đương sự có nghĩa vụ phải nộp án phí theo luật định.

[4] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng D nên công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 357, 422, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 6 Điều 13 của Luật doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn - công ty trách nhiệm hữu hạn Đ thanh toán cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại D tổng các khoản là: 28.052.400.860đ, trong đó nợ gốc 4.425.721.338đ và 499.794.84USD (tương đương 11.385.326.455đ), 1USD quy đổi bằng 22.780đ; lãi trong hạn của đồng Việt Nam là 50.800.000đ, lãi trong hạn của đồng Đô La là 2.400USD tương đương 54.672.000đ; lãi quá hạn của đồng Việt Nam là 6.435.822.541đ, lãi quá hạn của đồng Đô La là 246.392,23USD tương đương 5.612.814.999đ; lãi phạt của đồng Việt Nam là 60.771.344đ, lãi phạt của đồng Đô La là 1.162,08USD tương đương 26.472.182đ. Và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng đến khi thi hành xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm là hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 30/01/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 24-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 25/10/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 28-049/CVCC-OCEANBANK/2011 ngày 08/11/2011; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 20/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 01-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 22/02/2012; hợp đồng cầm cố tài sản bằng quyền đòi nợ số: 02-0002/CVCC-OCEANBANK/2012 ngày 16/7/2012; hợp đồng thế chấp tài sản số: 0006/HĐTC-OCEANBANK/2012 ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/PL/0006/HĐBĐ-OCEANBANK/2012 là tôm thành phẩm hàng tồn kho, có tổng khối lượng 46.100kg với tổng trị giá 20.511.800.000đ.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu 136.052.000đ (chưa nộp). Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D không phải chịu án phí, ngày 03/11/2015, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D đã nộp tạm ứng án phí 65.734.000đ theo biên lai số 1767 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, sẽ được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ,
- Lưu: Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu: VT (TM: TANDTPCM).